



Công ty Kiểm toán DTL
Thành viên Crowe Horwath International

Số: 12.101/BCSX-DTL.

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (848) 3827 5026
Fax: (848) 3827 5027
www.horwathdtl.com
dtlco@horwathdtl.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Chúng tôi đã đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 28 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2011

KÝ TÙNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TÙNG GIÁM ĐỐC
TRẠCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
D.T.L
TẠNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		567.650.036.600	497.687.799.358
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	85.101.717.836	111.006.558.369
1. Tiền	111		49.442.717.836	12.156.558.369
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.659.000.000	98.850.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	4.477.651.000	3.601.370.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.129.361.770	6.829.361.770
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(3.651.710.770)	(3.227.991.770)
III. Các khoản phải thu	130	5.3	204.559.551.677	199.980.951.371
1. Phải thu khách hàng	131		180.782.995.394	193.039.884.714
2. Trả trước cho người bán	132		22.705.327.797	14.831.329.008
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		9.957.569.186	996.078.349
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(8.886.340.700)	(8.886.340.700)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	260.062.809.941	172.674.152.596
1. Hàng tồn kho	141		260.746.044.035	173.357.386.690
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(683.234.094)	(683.234.094)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.448.306.146	10.424.767.022
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		117.375.436	43.324.245
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.940.384.636	2.908.447.823
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		85.447.636	87.003.367
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	8.305.098.438	7.385.991.587

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259.597.702.979	253.312.521.105
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		212.055.711.907	205.072.858.494
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	154.229.740.896	144.801.049.985
+ Nguyên giá	222		258.656.299.646	237.011.718.922
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.426.558.750)	(92.210.668.937)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	57.522.607.375	55.801.160.681
+ Nguyên giá	228		59.952.480.895	57.944.913.743
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.429.873.520)	(2.143.753.062)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	303.363.636	4.470.647.828
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	32.546.734.700	33.809.734.700
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.810.876.700	19.810.876.700
3. Đầu tư dài hạn khác	258		20.653.858.000	20.653.858.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7.918.000.000)	(6.655.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.995.256.372	14.429.927.911
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	14.995.256.372	14.429.927.911
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		827.247.739.579	751.000.320.463

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		143.397.557.078	161.740.638.564
I. Nợ ngắn hạn	310		141.816.075.082	160.034.916.818
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	3.500.000.000	14.587.075.686
2. Phải trả người bán	312	5.12	68.430.495.940	74.783.665.627
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	11.493.295.982	21.746.555.009
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	7.682.946.831	9.261.104.527
5. Phải trả người lao động	315		5.952.397.393	8.540.113.595
6. Chi phí phải trả	316	5.14	38.622.134.284	22.534.687.713
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	5.239.455.645	8.204.729.189
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	895.349.007	376.985.472
II. Nợ dài hạn	330		1.581.481.996	1.705.721.746
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	1.127.000.000	1.127.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		454.481.996	578.721.746
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		683.850.182.501	589.259.681.899
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18.1	683.850.182.501	589.259.681.899
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		152.145.000.000	116.598.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		330.105.159.609	267.450.449.609
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.420.789.142	2.420.789.142
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(795.134.625)	(1.287.881.759)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		143.395.558.901	111.952.642.710
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.191.000.000	11.659.820.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		42.387.809.474	80.465.662.197
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		827.247.739.579	751.000.320.463

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	414.225.679	414.225.679	
5. Ngoại tệ các loại		808.235,88	107.843,86
+ USD			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Tp. Cao Lãnh, ngày 18 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	363.292.627.748	316.210.003.640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	392.745.185	630.768.498
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	362.899.882.563	315.579.235.142
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	176.537.774.869	159.691.708.316
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		186.362.107.694	155.887.526.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.939.780.856	7.061.430.412
7. Chi phí tài chính trong đó, chi phí lãi vay	22	6.4	5.813.200.695	5.386.330.508
	23		475.527.072	2.000.379.367
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	109.890.747.177	97.013.126.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	24.843.288.148	12.758.055.219
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.754.652.530	47.791.444.691
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.363.939.710	2.688.175.295
12. Chi phí khác	32	6.8	2.549.565.848	1.675.022.096
13. Lợi nhuận khác	40		(185.626.138)	1.013.153.199
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.569.026.392	48.804.597.890
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	11.181.216.918	9.789.360.950
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.387.809.474	39.015.236.940
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.18.3	3.051	3.363

Tp. Cao Lãnh, ngày 18 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.569.026.392	48.804.597.890
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		13.523.056.946	6.151.231.893
Các khoản dự phòng	03		1.686.719.000	1.877.389.134
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.002.060.064)	(3.585.125.594)
Chi phí lãi vay	06		475.527.072	2.000.379.367
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		62.252.269.346	55.248.472.690
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.573.339.404	(7.506.511.030)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(87.388.657.345)	(15.004.386.977)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(14.629.056.138)	(42.340.610.749)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(639.379.652)	(214.410.554)
Tiền lãi vay đã trả	13		(475.527.072)	(2.000.379.367)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(21.177.604.366)	(21.743.901.111)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		14.371.790.072	2.405.461.291
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(25.939.028.619)	(18.222.708.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(71.051.854.370)	(49.378.974.311)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.264.393.588)	(7.142.350.221)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		500.909.091	178.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.380.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.545.544.298	3.407.125.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.517.940.199)	5.822.775.373

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		98.201.510.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.072.068.875	9.667.737.669	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.187.451.125)	(30.790.535.060)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.471.900.000)	(23.205.240.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	53.614.227.750	(44.328.037.391)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(25.955.566.819)	(87.884.236.329)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	111.006.558.369	135.040.362.163	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	50.726.286	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	85.101.717.836	47.156.125.834	

Tp. Cao Lãnh, ngày 18 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất vào ngày 13 tháng 04 năm 2011 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 4, đường 30/04, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 152.145.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2011 gồm:

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số 63B – 65B, đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh 2 Tp. Hồ Chí Minh lô B16/I, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh số 3 Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương số 22, đường số 2, KCN Việt Nam – Singapore II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh Cửu Long 1 - đường Nguyễn Văn Voi, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Cửu Long 2 số 66 A, Nguyễn Tất Thành, khóm 3, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 3 số 11/3, Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm: Lô G – Trung tâm thương mại Cái Khế, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
- Chi nhánh Cửu Long 5 số 135, Nguyễn Trãi, phường 9, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Hà Nội số 26N, 7A Khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Tây Ninh số 59B, Nguyễn Thái Học, khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Kiên Giang số 378, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Chi nhánh Đà Nẵng, số 423 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.
- Chi nhánh Khánh Hòa - số 202, Lê Hồng Phong, phường Phước Hải, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Chi nhánh Bình Dương - số 09, Lê Thị Trung, khu 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- Mua bán dược liệu
- Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12 hằng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:
 - + Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.
 - + Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Bản quyền phần mềm máy tính	03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- | | |
|---------------------------------|--------|
| + Quyền sử dụng đất có thời hạn | 50 năm |
|---------------------------------|--------|

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thông kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư mở rộng: miễn 1 năm, giảm 50% cho 4 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu được hưởng ưu đãi theo phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại. Công ty không hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại nên phần thu nhập tăng thêm được miễn thuế, giảm thuế trong năm 2010 được xác định theo tỷ lệ giữa giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh với tổng nguyên giá tài sản cố định thực tế dùng cho sản xuất, kinh doanh.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.514.392.842	1.267.367.999
Tiền gửi ngân hàng	47.823.324.994	10.889.190.370
Tiền đang chuyển	105.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	35.659.000.000	98.850.000.000
Tổng cộng	85.101.717.836	111.006.558.369

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	5.929.361.770	5.929.361.770
Đầu tư ngắn hạn khác	2.200.000.000	900.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	8.129.361.770	6.829.361.770
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.651.710.770)	(3.227.991.770)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	4.477.651.000	3.601.370.000

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phàn Dược Phẩm OPC	16.380	729.800.000	16.380	729.800.000
Công ty Cổ Phàn XNK Y Tế Domesco	29.250	2.245.846.770	29.250	2.245.846.770
Công ty Cổ Phàn Dược Hậu Giang	1.333	239.510.000	1.333	239.510.000
Công ty Cổ Phàn Bông Bạch Tuyết	10.000	239.465.000	10.000	239.465.000
Công ty Cổ Phàn Vĩnh Hoàn	13.000	500.000.000	13.000	500.000.000
Quỹ đầu tư chứng khoán VF1	50.000	1.954.100.000	50.000	1.954.100.000
Tập đoàn Bảo Việt	1.720	20.640.000	1.720	20.640.000
Cộng	121.683	5.929.361.770	121.683	5.929.361.770

Đầu tư ngắn hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	1.300.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	900.000.000
Cộng	2.200.000.000	900.000.000

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phàn Dược Phẩm OPC	16.380	(153.224.000)	16.380	(90.980.000)
Công ty Cổ Phàn XNK Y Tế Domesco	29.250	(1.581.871.770)	29.250	(1.327.396.770)
Công ty Cổ Phàn Dược Hậu Giang	1.333	(79.550.000)	1.333	(79.550.000)
Công ty Cổ Phàn Bông Bạch Tuyết	10.000	(239.465.000)	10.000	(239.465.000)
Công ty Cổ Phàn Vĩnh Hoàn	13.000	(103.500.000)	13.000	(116.500.000)
Quỹ đầu tư chứng khoán VF1	50.000	(1.494.100.000)	50.000	(1.374.100.000)
Tập đoàn Bảo Việt	1.720	-	1.720	-
Cộng	121.683	(3.651.710.770)	121.683	(3.227.991.770)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	180.782.995.394	193.039.884.714
Trả trước cho người bán	22.705.327.797	14.831.329.008
Các khoản phải thu khác	9.957.569.186	996.078.349
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	213.445.892.377	208.867.292.071
Dự phòng phải thu khó đòi	(8.886.340.700)	(8.886.340.700)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	204.559.551.677	199.980.951.371

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải thu do bán hàng cho các bên liên quan được chi tiết như sau – xem thêm mục 7:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	6.842.939.649	12.101.177.667
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Giang	1.905.120	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	181.575.343	96.551.008
Tổng cộng	7.026.420.112	12.197.728.675

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	-	57.666.667
Phải thu thuế GTGT hàng nhập khẩu	375.121.830	50.576.711
Phải thu thuế TNCN bên ngoài	-	420.223.671
Phải thu khác	9.582.447.356	467.611.300
Cộng	9.957.569.186	996.078.349

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	168.796.605.316	110.687.167.183
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.775.973.523	11.871.750.484
Thành phẩm	74.116.103.789	43.632.068.711
Hàng hóa	6.504.926.254	6.279.471.465
Hàng gửi bán	552.435.153	886.928.847
Cộng giá gốc hàng tồn kho	260.746.044.035	173.357.386.690
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(683.234.094)	(683.234.094)
Giá trị thuần có thể thực hiện	260.062.809.941	172.674.152.596

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các mặt hàng cận date, quá date và hàng chậm sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	4.513.274.657	2.168.130.614
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.791.823.781	5.217.860.973
Tổng cộng	8.305.098.438	7.385.991.587

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	ĐVT: triệu đồng	
					TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	86.041	115.883	30.955	2.876	1.257	237.012
Mua trong kỳ	3.846	5.812	5.106	218	-	14.982
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.467	3.094	166	-	-	7.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.065)	-	-	(1.065)
Số dư cuối kỳ	94.354	124.789	35.162	3.094	1.257	258.656
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	32.619	47.675	8.201	2.502	1.214	92.211
Khấu hao trong kỳ	2.860	7.728	2.444	183	22	13.237
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.021)	-	-	(1.021)
Số dư cuối kỳ	35.479	55.403	9.624	2.685	1.236	104.427
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	53.422	68.208	22.754	374	43	144.801
Tại ngày cuối kỳ	58.875	69.386	25.538	409	21	154.229

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 57.194.772.660 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	57.159.199.920	785.713.823	57.944.913.743
Mua trong kỳ	1.908.000.000	35.609.112	1.943.609.112
Đầu tư XDCB hoàn thành	63.958.040	-	63.958.040
Số dư cuối kỳ	59.131.157.960	821.322.935	59.952.480.895
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.371.706.231	772.046.831	2.143.753.062
Khấu hao trong kỳ	274.341.246	11.779.212	286.120.458
Số dư cuối kỳ	1.646.047.477	783.826.043	2.429.873.520
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	55.787.493.689	13.666.992	55.801.160.681
Tại ngày cuối kỳ	57.485.110.483	37.496.892	57.522.607.375

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

ĐVT: nghìn đồng

Khoản mục	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công trình Nhà máy Cephalosporin tại Bình Dương	2.902.000	874.277	(3.776.277)	-
- Xây dựng trụ sở chính văn phòng công ty	215.073	88.291	-	303.364
- Sửa chữa, cải tạo chi nhánh bán hàng tại Bình Dương	160.454	-	(160.454)	-
- Công trình chi nhánh Cửu Long 3	697.426	1.431.465	(2.128.891)	-
- Trung tâm phân phối DP khu vực TPHCM	37.512	1.161.727	(1.199.239)	-
- Chi nhánh Khánh Hòa	458.182		(458.182)	-
- Mua đất tại quận Tân Phú TP.HCM	-	67.500	(67.500)	-
Tổng cộng	4.470.647	3.623.260	(7.790.543)	303.364

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	19.810.876.700	19.810.876.700
Đầu tư dài hạn khác	20.653.858.000	20.653.858.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	40.464.734.700	40.464.734.700
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(7.918.000.000)	(6.655.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	32.546.734.700	33.809.734.700

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	-	182.000.000	-	182.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	561.000	14.288.996.700	561.000	14.288.996.700
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	253.740	5.339.880.000	253.740	5.339.880.000
Cộng	814.740	19.810.876.700	814.740	19.810.876.700

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	594.652	20.653.858.000	594.652	20.653.858.000
Cộng	594.652	20.653.858.000	594.652	20.653.858.000

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Hóa Dược Phẩm Mekophar	77.000	(7.018.000.000)	77.000	(6.325.000.000)
Công ty Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	300.000	(900.000.000)	300.000	(330.000.000)
Cộng	377.000	(7.918.000.000)	377.000	(6.655.000.000)

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

Là tiền thuê đất Khu công nghiệp Vĩnh Lộc và Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II.

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	14.429.927.911	14.290.585.314
Tăng trong kỳ	700.000.000	377.225.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(134.671.539)	(162.814.446)
Tổng cộng	14.995.256.372	14.504.995.868

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	-	10.587.075.686
Vay đối tượng khác	3.500.000.000	4.000.000.000
Tổng cộng	3.500.000.000	14.587.075.686

Vay đối tượng khác là khoản vay của Ban tổ chức tỉnh ủy Đồng Tháp có thời hạn vay 06 tháng với lãi suất 13%/năm.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	68.430.495.940	74.783.665.627
Người mua trả tiền trước	11.493.295.982	21.746.555.009
Tổng cộng	79.923.791.922	96.530.220.636

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó khoản phải trả cho Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại là 5.670.060 đồng – xem thêm mục 7.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	904.623.077
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	375.121.830	50.576.711
Thuế xuất, nhập khẩu	6.762.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.662.331.288	6.982.541.199
Thuế thu nhập cá nhân	1.638.731.010	1.323.363.540
Tổng cộng	7.682.946.831	9.261.104.527

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hoa hồng bán quyền	4.334.805.151	6.682.646.729
Chi phí khuyến mãi bằng tiền	844.781.468	-
Chi phí du lịch	10.556.695.454	5.500.000.000
Chi phí thưởng đạt doanh số	-	1.002.040.984
Chi phí nghiên cứu phát triển thị trường	8.507.704.277	-
Chi phí quảng bá, giới thiệu sản phẩm	1.171.189.287	200.000.000
Chi phí bán hàng	-	8.800.000.000
Chi phí phải trả khác	13.206.958.647	350.000.000
Tổng cộng	38.622.134.284	22.534.687.713

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	12.325.421	12.325.421
Kinh phí công đoàn	614.686.226	691.237.157
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.612.443.998	7.501.166.611
Tổng cộng	5.239.455.645	8.204.729.189

Các khoản phải trả, phải nộp khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thường phải trả HĐQT và BKS	949.816.677	-
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	474.344.714	876.844.714
Thu trả trước tiền hàng Công ty Robinson	2.856.566.957	4.904.903.570
Phải trả khác	331.715.650	1.719.418.327
Tổng cộng	4.612.443.998	7.501.166.611

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	376.985.472	5.555.942.057
Trích lập trong kỳ	12.069.849.329	7.151.485.542
Tăng khác	1.409.111.100	-
Sử dụng trong kỳ	(12.960.596.894)	(7.760.117.711)
Số dư cuối kỳ	895.349.007	4.947.309.888

5.17. Phải trả dài hạn khác

Đây là các khoản nhận ký quỹ dài hạn của các nhà thuốc, đại lý.

(Phản tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu
5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Công
Số dư đầu năm trước	116.598.200.000	267.362.709.609	2.420.789.142	(3.287.060.000)	(129.199.249)	97.057.755.480	57.706.720.939	537.729.915.921
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	80.465.662.197	80.465.662.197
Trích quỹ	-	-	-	-	-	26.383.107.230	(33.534.592.772)	(7.151.485.542)
Tăng khác	-	-	-	-	789.145.772	171.600.000	57.200.000	1.017.945.772
Bán cổ phiếu quỹ	-	87.740.000	-	3.287.060.000	-	-	-	3.374.800.000
Giảm khác	-	-	-	-	(1.947.828.282)	-	(909.688.167)	(2.857.516.449)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(23.319.640.000)	(23.319.640.000)
Số dư đầu năm nay	116.598.200.000	267.450.449.609	2.420.789.142	-	(1.287.881.759)	123.612.462.710	80.465.662.197	589.259.681.899
Tăng vốn trong kỳ	35.546.800.000	62.654.710.000	-	-	-	-	-	98.201.510.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	42.387.809.474	42.387.809.474
Trích quỹ	-	-	-	-	-	33.974.096.191	(46.043.945.520)	(12.069.849.329)
Tăng khác	-	-	-	-	3.560.439.667	-	-	3.560.439.667
Giảm khác	-	-	-	-	(3.067.692.533)	-	-	(3.067.692.533)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(34.421.716.677)	(34.421.716.677)
Số dư cuối kỳ	152.145.000.000	330.105.159.609	2.420.789.142	-	(795.134.625)	157.586.558.901	42.387.809.474	683.850.182.501

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2 Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	16.000.000	11.659.820
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	15.214.500	11.659.820
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	15.214.500	11.659.820
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.18.3 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	42.387.809.474	39.015.236.940
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	13.893.053	11.602.620
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	3.051	3.363

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	1.278.497.517	4.481.586.178
Doanh thu hàng sản xuất	322.385.410.110	265.064.080.231
Doanh thu hàng nhượng quyền	17.381.547.194	24.550.231.357
Doanh thu hàng ngoại nhập	16.935.398.449	13.734.245.774
Doanh thu hàng mua bán khác	5.311.774.478	8.379.860.100
Giảm giá hàng bán	(392.745.185)	-
Hàng bán bị trả lại	-	(630.768.498)
Doanh thu thuần	362.899.882.563	315.579.235.142

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hàng xuất khẩu	576.149.350	2.656.345.220
Giá vốn hàng sản xuất	142.952.237.043	118.816.031.849
Giá vốn hàng nhượng quyền	12.169.566.316	16.971.498.920
Giá vốn hàng ngoại nhập	15.907.234.946	13.238.534.431
Giá vốn hàng mua bán khác	4.932.587.214	8.009.297.896
Tổng cộng	176.537.774.869	159.691.708.316

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.677.474.798	1.949.853.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	868.069.500	1.457.272.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.394.236.558	2.654.304.818
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	-	1.000.000.000
Tổng cộng	7.939.780.856	7.061.430.412

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	475.527.072	2.000.379.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.373.079.854	1.390.710.689
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	-	1.989.341.000
Chi về hoạt động đầu tư chứng khoán	1.686.719.000	-
Chiết khấu thanh toán	277.874.769	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	5.899.452
Tổng cộng	5.813.200.695	5.386.330.508

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	341.280.783	760.948.589
Chi phí nhân công	21.299.973.576	15.783.165.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.817.601.383	1.551.534.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.244.351.352	11.417.900.937
Chi phí khác	75.187.540.083	67.499.577.099
Tổng cộng	109.890.747.177	97.013.126.820

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.113.142.457	129.546.291
Chi phí nhân công	14.577.191.526	5.638.899.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.884.335	568.810.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	565.108.219	546.518.389
Chi phí khác	8.084.961.611	5.874.280.921
Tổng cộng	24.843.288.148	12.758.055.219

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền bán phế liệu, công cụ	56.860.001	45.822.855
Thu nhập do giảm giá hàng mua	1.573.490.654	2.039.685.379
Xử lý hàng thừa khi kiểm kê	205.651.190	135.891.759
Thanh lý nhượng bán tài sản	500.909.091	178.000.000
Thu nhập khác	27.028.774	288.775.302
Tổng cộng	2.363.939.710	2.688.175.295

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Xuất hàng thanh lý	710.734.243	863.337.407
Chi phí bán thanh lý Tài Sản Cố Định	44.393.325	-
Xử lý hàng thiếu khi kiểm kê	62.600.985	69.901.613
Chi phí khác	1.731.837.295	741.783.076
Tổng cộng	2.549.565.848	1.675.022.096

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được dự phòng như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	53.569.026.392	48.804.597.890
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	845.726.941	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(868.069.500)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	53.546.683.833	48.235.770.442
Thuế suất thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính	25%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	13.386.670.958	9.647.154.088
Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác	-	568.827.448
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	-	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	-	142.206.862
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.386.670.958	9.789.360.950
Thuế TNDN được miễn giảm do đầu tư mở rộng Nhà máy Cephalosporin tại Bình Dương	(2.205.454.040)	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	11.181.216.918	9.789.360.950

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần dược phẩm An Giang	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	Công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.3	7.026.420.112	12.197.728.675
Phải trả - xem thêm mục 5.12	5.670.060	-

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán sản phẩm	135.763.706	35.010.457.889
Thu tiền hàng	-	(26.237.648.516)
Bù trừ công nợ phải thu	5.312.457.214	4.825.687.428
Bù trừ công nợ phải trả	4.254.425.000	270.350.720
Nhận hàng trả lại	-	(30.885.307)
Mua hàng	-	151.898.586
Mua tài sản cố định	5.775.990.060	-
Thuê gian hàng chợ sý	70.000.000	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	585.000.000	384.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	4.309.413.631	2.388.111.853
Tổng cộng	4.894.413.631	2.772.111.853

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 07 năm 2011.

TP.Cao Lãnh, ngày 18 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH